

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019.

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn và nuôi con*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mai Thu; 2. Bà Lưu Thị Hằng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bé Thị E sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn 12, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

Bị đơn: Anh Nông Văn Q, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 12, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bé Thị E trình bày:

Chị E và anh Nông Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk ngày 16/12/2008 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân ban đầu là anh Q gây rối trong gia đình đánh đập vợ con, dùng hung khí đuổi đánh vợ mỗi khi hết tiền, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ. Mặc dù hai bên gia đình và chính quyền thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân gần 01 năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Văn Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung là Nông Thị N, sinh ngày 06/11/2008 và Nông Dương L, sinh ngày 23/6/2010. Sau khi ly hôn chị Bé Thị E có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Thị N đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao cho anh Nông Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Dương L đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé Thị E không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé Thị E tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 08/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nông Văn Q trình bày:

Anh Q và chị Bé Thị E kết hôn ngày 16/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh Q ghen tuông nên đôi lúc có đánh vợ. Anh Q nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn với chị Bé Thị E, anh Q mong muốn vợ chồng sống đoàn tụ, cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung là Nông Thị N, sinh ngày 06/11/2008 và Nông Dương L, sinh ngày 23/6/2010. Nếu chị Bé Thị E nhất quyết đòi ly hôn thì anh Nông Văn Q muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Văn Q không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh Q vẫn không đồng ý ly hôn, còn chị Bé Thị E thì nhất quyết xin ly hôn với anh Q.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Bé Thị E và anh Nông Văn Q tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn 12, xã C, huyện B. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị E và anh Q thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ đánh nhau, ban tự quản thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị E vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Nông Văn Q, còn anh Q thì không đồng ý ly hôn, nên hoà giải không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Bé Thị E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn Q. Về nuôi con, chị E xin được nuôi cháu Nông Thị N, sinh ngày 06/11/2008 đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Nông Dương L, sinh ngày 23/6/2010 cho anh Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nông Văn Q cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Bé Thị E nhất quyết xin ly hôn thì anh nhận nuôi cả 02 con chung đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Bé Thị E cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các

đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 142/2019/HNGĐ –ST ngày 03/9/2019. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt và niêm yết hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bé Thị E. Xử cho chị Bé Thị E được ly hôn với anh Nông Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bé Thị E yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Văn Q đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Bé Thị E và anh Nông Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk ngày 16/12/2008 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh Q ghen tuông nên đánh vợ, dẫn đến gia đình không hạnh phúc, chị E đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q vẫn không nghe. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Bé Thị E và anh Nông Văn Q sinh sống thì được biết chị E và anh Q thường xuyên cãi nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Bé Thị E nhất quyết đòi ly hôn với anh Nông Văn Q. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị E, xử cho chị E được ly hôn với anh Nông Văn Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, Chị Bé Thị E có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Thị N – sinh ngày 06/11/2008 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cho anh Nông Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Dương L - sinh ngày 23/6/2010 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Xét thấy, nguyện vọng của chị Bé Thị E là hợp pháp, hơn nữa cháu Nông Thị N có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Nông Dương L có nguyện vọng được

sống với bố. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu N cho chị Bé Thị E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu L cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bé Thị E.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bé Thị E được ly hôn với anh Nông Văn Q.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Bé Thị E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Thị N - sinh ngày 06/11/2008 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Giao cho anh Nông Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Dương L - sinh ngày 23/6/2010 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị Bé Thị E, anh Nông Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Bé Thị E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0000546 ngày 03/9/2019.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- THADS huyện B;

- VKS huyện Buôn Đôn;

- UBND xã C;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

